

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ**  
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**  
(Biểu số 3 - Phụ lục II, Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Công ty TNHH NN MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thừa Thiên Huế (gọi tắt là Công ty) báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

**I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1**

- Sản phẩm dịch vụ cấp nước tưới tiêu (ha): 35.643,75 ha (KH 36.729,23 ha) đạt 96,94 %, giảm 1.125,49 ha, chủ yếu do dân bỏ hoang, trê vụ, giá phân bón tăng trên 2 lần; ảnh hưởng đợt mưa lũ trái mùa từ 29/3 đến 02/4/2022.

- Doanh thu đạt 29.577.086.000 /31.209.294.000 đồng đạt 94,77%, doanh thu giảm 1.632.208.000 đồng do: Diện tích tưới tiêu bị bỏ hoang; số tiền thu dịch vụ thủy lợi khác (*thu tiền nước Công ty TNHH VITTO, thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa thủy lợi*) Công ty không hạch toán vào doanh thu mà đưa qua một tài khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338): 114.551.244 đồng để chờ ý kiến giải quyết của cấp trên. Bên cạnh đó, hiện Công ty đã chấm dứt các hợp đồng dịch vụ thủy lợi khác, do chưa có quyết định về cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, và quyết định về thuê đất, thuê mặt nước.

- Lợi nhuận đạt 735,1/ 762 triệu đồng (96,47% KH), do doanh thu giảm và chi phí tiền điện bơm tiêu ứng cứu lúa vượt định mức trong giai đoạn làm đòng trở bông vụ Đông Xuân 2021-2022

**2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

**2.1. Thuận lợi**

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo UBND tỉnh, các ban ngành cấp tỉnh, đặc biệt là sự hỗ trợ giúp đỡ của lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, sự ủng hộ của chính quyền địa phương và bà con nông dân trong Tỉnh; tập thể người lao động trong Công ty luôn đoàn kết thống nhất, đồng lòng vượt khó trước mọi khó khăn thách thức; chính sách hỗ trợ đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi đã nâng cao tính chủ động và tăng năng lực cấp nước tưới tiêu cho nông nghiệp; doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được Nhà nước hỗ trợ đầy đủ kịp thời; nhiệm vụ chính của Công ty là hoạt động công ích trong lĩnh vực quản lý vận hành hệ thống tưới tiêu khai thác các công trình



thủy lợi nên thị trường ít biến động và ít tính cạnh tranh.

## 2.2. Khó khăn

Bên cạnh thuận lợi, quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp một số khó khăn đặc thù như:

a) Tình hình tưới tiêu: Đầu vụ Đông Xuân do ảnh hưởng không khí lạnh kết hợp với hội tụ gió trên cao từ ngày 24-27/12/2021 đã gây thiệt hại ước tính khoảng 500 triệu đồng chi phí tiền điện đã bơm đầu úng; mực nước trên các sông, hói, nội đồng dâng cao, các hồ thủy điện tiếp tục điều tiết về hạ lưu đã gây bất lợi trong công tác đầu úng đầu vụ Đông Xuân 2021 – 2022. Trận lũ trái mùa (từ ngày 31/3 đến ngày 03/4) đã gây ngập úng, vỡ bờ bao, bờ vùng khiến nhiều xứ đồng thiệt hại nặng, một số nơi mất trắng; cụ thể có khoảng 20.834 ha diện tích lúa bị ngập úng. Trong đó, ước tính diện tích bị ảnh hưởng trên 70% khoảng 17.748,6 ha, diện tích bị ảnh hưởng từ 30 - 70% là 3.085,4 ha. Thiệt hại tiền điện chống úng cứu lúa đang thời kỳ làm đòng trổ bông khoảng 1,2 tỷ đồng; vụ Hè Thu 2022: Tình hình khí tượng thủy văn thuận lợi; nguồn nước dồi dào; các hồ chứa nước đến cuối vụ phải tháo cạn để đón lũ. Tuy nhiên ngoài nguyên nhân ảnh hưởng đợt mưa lũ trái mùa, bất thường trong vụ Đông Xuân, lúa bị thu hoạch muộn dẫn đến trễ vụ hè thu, còn do chi phí vật tư, phân bón tăng cao so với năm trước, người nông dân tính toán có khả năng thua lỗ, nhiều hộ dân quyết định không sản xuất, bỏ hoang đồng ruộng đã làm sụt giảm kế hoạch diện tích tưới tiêu của Công ty.

b) Tình hình công trình thủy lợi: Hệ thống công trình nhiều, phân tán, nằm ngoài trời, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên nhiên, có nhiều công trình thủy lợi đã đưa vào sử dụng nhiều năm chưa được đại tu, sửa chữa như: Một số hồ, đập dâng miền núi Nam Đông, A Lưới, các công vùng triều; nhiều hồ chứa nước thủy lợi đã quá thời hạn quy định phải kiểm định an toàn hồ chứa nhưng chưa có nguồn kinh phí đảm bảo;

c) Về giá dịch vụ: Nhà nước tiếp tục giữ ổn định thời kỳ ngân sách nên mức hỗ trợ giá dịch vụ công ích thủy lợi chưa được điều chỉnh (kể từ năm 2013 cho đến nay), trong khi đó, giá cả của chi phí đầu vào như: tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, giá điện, giá vật tư... liên tục điều chỉnh tăng qua các năm đã tác động không nhỏ đến thu nhập người lao động và nguồn kinh phí dành cho công tác chi phí bảo trì công trình thủy lợi, bình quân của 3 năm (2020-2022) giảm 37,71% so với định mức kinh tế kỹ thuật, và do nguồn kinh phí hỗ trợ chưa đảm bảo cho các hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nên thiếu kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng như: *Cắm mốc chỉ giới bảo vệ, lập quy trình vận hành cho các hồ chứa, phương án ngập lụt vùng hạ du đập, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước,..... Ngoài ra, hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi cần phải thực hiện một số quy định của pháp luật liên quan như: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật. v.v.*

### **Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	31,209	29,577	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,762	0,735	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,610	0,585	
5	Thuế và các khoản đã nộp NN	Tỷ đồng	0,376	0,288	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	36,769	35,644	
8	Tổng số lao động	Người	197	145	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	12,826	10,962	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,056	1,046	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	11,770	9,915	

## II. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: **Không có** (Dự án quan trọng quốc gia, Dự án nhóm A, B)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi ngân hàng) : 7,392 tỷ đồng.
- Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Du Lịch Huế: 3,193 tỷ đồng.

## III. Tình hình đầu tư tại các công ty con


Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty: Công ty không áp dụng mô hình công ty mẹ, công ty con.

Trên đây là một số nội dung cơ bản Công ty kính báo cáo và công bố thông tin theo quy định./.

### Nơi nhận:

- Cục Phát triển doanh nghiệp (để công bố);
- Cổng thông tin điện tử Tỉnh (công bố);
- Sở KH và ĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ban Giám đốc, KSV;
- Công khai tại Website Công ty;
- Lưu KH, VT. *Ma*

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Đính**